

trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng

Bộ Văn hóa - Thông tin

PHẠM QUANG NGHỊ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1630/2003/QĐ-NHNN ngày 19/12/2003, ban hành quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật trong gia công, mua sắm phần mềm nghiệp vụ ngân hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ Tin học ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật trong gia công, mua sắm phần mềm nghiệp vụ ngân hàng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ Tin học ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Tổng giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

VŨ THỊ LIÊN

QUY ĐỊNH về tiêu chuẩn kỹ thuật trong gia công, mua sắm phần mềm nghiệp vụ ngân hàng

(ban hành kèm theo Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN ngày 19/12/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

*Chương I***QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản, trình tự thủ tục trong gia công, mua sắm, triển khai và hỗ trợ vận hành các phần mềm nghiệp vụ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, các Tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là đơn vị) nhằm thống nhất quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động ngân hàng đạt hiệu quả cao và an toàn tài sản.

2. Các phần mềm nghiệp vụ dùng cho mục đích nghiên cứu, thử nghiệm hoặc sử dụng cục bộ tại một địa điểm và không kết nối với các phần mềm nghiệp vụ chung của đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Ngoài Quy định này, việc thuê gia công, mua sắm phần mềm nghiệp vụ ngân hàng còn phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về việc thuê, mua sắm hàng hóa dịch vụ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình* là một tập hợp các chỉ dẫn, mệnh lệnh viết bằng một ngôn ngữ đặc trưng và được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp trên máy tính hoặc thiết bị có khả năng xử lý thông tin để đạt được một kết quả nhất định.

2. *Phần mềm* bao gồm chương trình, tài liệu kỹ thuật và dữ liệu liên quan sử dụng cho chương trình.

3. *Phần mềm nghiệp vụ ngân hàng* là phần mềm ứng dụng trong các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng nhằm tin học hóa một phần hoặc toàn bộ các hoạt động của nghiệp vụ đó.

4. *Phần mềm đóng gói* là phần mềm được sản xuất hàng loạt và bán dưới dạng sản phẩm đóng gói hoàn chỉnh.

5. *Mô đun chương trình* là một phần của chương trình được viết và kiểm tra riêng biệt, sau đó được tổ hợp với các mô đun khác để tạo thành chương trình hoàn chỉnh.

6. *Phần mềm mở* là phần mềm tuân theo các tiêu chuẩn công nghiệp của quốc gia và quốc tế về tính mở, tương thích cao đối với những thay đổi của hệ thống và yêu cầu nghiệp vụ.

7. *Phiên bản phần mềm* là một dãy số gắn với việc phát hành sản phẩm phần mềm. Phiên bản gồm hai loại phiên bản chính và phiên bản nâng cấp; phiên bản chính là phiên bản sau lần phát triển đầu tiên và những lần thay đổi lớn về cấu trúc tổ chức và chức năng của phần mềm; phiên bản nâng cấp là phiên bản dùng trong quá trình sửa lỗi và cập nhật yêu cầu phát sinh.

8. *Bản quyền sử dụng phần mềm* là một xác nhận pháp lý về quyền khai

thác phần mềm theo những quyền lợi bản quyền đó quy định.

9. *Hệ thống* là một sự tích hợp có tổ chức của phần mềm, thiết bị và những nhân tố liên quan khác theo một tiêu chuẩn nhất định nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chung.

10. *Thiết kế hệ thống* là công việc phiên dịch yêu cầu nghiệp vụ và người sử dụng thành mô hình kỹ thuật chi tiết chỉ dẫn cho việc phát triển phần mềm.

11. *Cấu hình* là một tập hợp những chương trình, tài liệu và dữ liệu được điều chỉnh theo một yêu cầu kỹ thuật nhất định.

12. *Bản mẫu* là mô hình thể hiện các ý tưởng thiết kế, lập trình hoặc quy trình xử lý nghiệp vụ, giúp cho việc hình dung, đánh giá, định hướng công việc trước khi tiến hành cụ thể.

13. *Thư viện chương trình mẫu* là những chương trình chuẩn được tập hợp lại với mục đích dùng chung và sử dụng nhiều lần.

14. *Điều chỉnh phần mềm* là việc thay đổi, bổ sung các cấu phần của phần mềm làm phù hợp hơn với yêu cầu của người sử dụng.

15. *Kiểm tra phần mềm* là công việc kiểm tra, thử nghiệm phần mềm nhằm phát hiện các lỗi xử lý nghiệp vụ, lập trình, giao diện hoặc tương tác giữa các mô đun của chương trình và xác định

mức độ đáp ứng các yêu cầu đề ra của phần mềm cần kiểm tra.

16. *Tình huống kiểm tra* là một tập hợp các yếu tố, dữ kiện đầu vào, điều kiện thực hiện và kết quả dự kiến. Tình huống kiểm tra được lập ra để đáp ứng một mục tiêu cụ thể nào đó như kiểm tra một chức năng của chương trình, khả năng chịu tải hệ thống, yêu cầu của người sử dụng và các yêu cầu khác nếu có.

17. *Thủ tục kiểm tra* là một tập hợp các chỉ dẫn để thiết lập, thực hiện và đánh giá kết quả cho một hay nhiều tình huống kiểm tra.

18. *Chương trình kiểm tra* là một chương trình dùng để tự động hóa việc thực hiện các thủ tục kiểm tra. Chương trình kiểm tra có thể được lập bằng cách lập trình hoặc phát sinh tự động bằng những công cụ kiểm tra.

19. *Phân tích nghiệp vụ và yêu cầu người sử dụng* là quá trình tìm hiểu và mô tả các bài toán nghiệp vụ, các yêu cầu của người sử dụng, mối liên hệ giữa chúng và phân tích tính khả thi của những yêu cầu đó đối với việc ứng dụng tin học trong những điều kiện cụ thể.

20. *Triển khai phần mềm* là công việc nghiên cứu giải pháp kỹ thuật, thiết lập quy trình, tổ chức tập huấn, cài đặt, hướng dẫn sử dụng, khởi tạo, chuyển đổi dữ liệu và đưa phần mềm vào hoạt động.

21. *Bảo hành, bảo trì phần mềm* là công việc quản lý những thay đổi, hỗ trợ

vận hành nhằm đảm bảo hoạt động chính xác, thông suốt và an toàn của phần mềm đã triển khai vận hành.

22. Quản lý cấu hình phần mềm là công việc thiết lập, lưu giữ, phát hành các sản phẩm phần mềm và kiểm soát một cách có hệ thống các thay đổi của chúng

23. Người sử dụng là người được giao nhiệm vụ vận hành chương trình để thực hiện công việc theo quyền hạn và trách nhiệm được phân công.

24. Người quản trị hệ thống là người được giao nhiệm vụ quản lý và đảm bảo cho hệ thống hoạt động thông suốt, an toàn.

25. Gia công phần mềm nghiệp vụ là toàn bộ quá trình phân tích nghiệp vụ và yêu cầu người sử dụng, phân tích thiết kế hệ thống, viết chương trình, tài liệu hướng dẫn, kiểm tra thử nghiệm và đóng gói phần mềm.

Điều 3. Bản quyền sử dụng phần mềm

Phần mềm nghiệp vụ dùng trong hoạt động ngân hàng phải có bản quyền sử dụng theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm các hành động sử dụng, can thiệp trái phép như: thay đổi, sao chép, tiết lộ thiết kế, thuật toán, công nghệ và mã nguồn.

Điều 4. Nâng cấp phần mềm

Nâng cấp phần mềm, khắc phục kịp

thời những khiếm khuyết của chương trình, phản ánh thay đổi của nghiệp vụ và thay thế thuật toán, công nghệ đã lạc hậu. Thời gian giữa các lần nâng cấp không được vượt quá thời gian khấu hao quy định cho phần mềm.

Chương II

CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA PHẦN MỀM NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG

Điều 5. Lựa chọn công nghệ, giải pháp phần mềm

1. Giải quyết tốt yêu cầu nghiệp vụ, triển khai ứng dụng được vào thực tế và có khả năng sử dụng lâu dài.

2. Đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và bảo mật của nghiệp vụ.

3. Tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế hệ thống phần mềm mở.

4. Phù hợp trình độ công nghệ, tài chính và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của đơn vị.

Điều 6. Yêu cầu an toàn và bảo mật

1. Đánh giá các rủi ro tiềm ẩn của hệ thống từ giai đoạn phân tích, thiết kế hệ thống, phân loại mức độ quan trọng của từng cấu phần và toàn thể hệ thống.

2. Quy định rõ và triển khai đầy đủ các điều kiện kỹ thuật, môi trường cho cài đặt, vận hành nghiệp vụ an toàn.

3. Có phương án dự phòng xử lý sự cố phù hợp với đặc điểm nghiệp vụ về thời gian gián đoạn tối đa được phép, cấp độ quan trọng của dữ liệu.

4. Kiểm soát, ngăn chặn truy nhập hệ thống bất hợp pháp và có biện pháp hạn chế, khắc phục kịp thời những hậu quả nếu có.

5. Kiểm soát tác nghiệp, chỉ cho phép người sử dụng vận hành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Cảnh báo đối với những tác nghiệp có thể gây hỏng, mất dữ liệu hoặc ảnh hưởng đến hoạt động hệ thống.

6. Có giải pháp kiểm tra, xác thực nguồn gốc, bảo vệ sự toàn vẹn của dữ liệu và mã hóa dữ liệu thuộc cấp độ “Mật” trở lên trong ngành Ngân hàng khi trao đổi trên mạng.

7. Các phần mềm mã hóa dữ liệu, chữ ký điện tử phải xây dựng, quản lý và sử dụng theo chế độ “Tối mật” trong ngành Ngân hàng.

Điều 7. Thiết kế mở và vận hành ổn định

1. Chương trình thiết kế độc lập tương đối với các thành phần phần cứng, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu và truyền thông của hệ thống; tham số hóa các yếu tố đầu vào, tham số cài đặt chương trình và chia thành các mô đun chương trình con theo chức năng; có khả năng mở rộng và kết nối với các phần mềm nghiệp vụ khác trong tương lai.

2. Chạy ổn định, kết quả thực hiện đúng yêu cầu nghiệp vụ và xử lý được các lỗi ngoại lệ phát sinh.

Điều 8. Giao diện với người sử dụng

1. Nhất quán trên toàn bộ chương trình về bố cục màn hình, màu sắc, thực đơn, phong chữ và quy ước sử dụng biểu tượng, phím chức năng theo các chuẩn thông dụng; thống nhất cách thức vào, ra và thực hiện chương trình.

2. Bố trí các chức năng chương trình theo phạm vi, nhóm công việc và trình tự thực hiện nghiệp vụ; hỗ trợ trực tuyến và cắt bỏ thao tác thừa trong vận hành.

3. Cảnh báo, ngăn chặn các lỗi vô tình trong vận hành; không cho người sử dụng thực hiện công việc quá thẩm quyền được giao.

Điều 9. Giao diện với các phần mềm nghiệp vụ khác

1. Kết nối liên hoàn với các phần mềm nghiệp vụ liên quan; trừ mục đích kiểm tra, không trùng lặp trong thu thập, truyền dẫn, xử lý và lưu trữ thông tin.

2. Sử dụng thống nhất các bộ mã đã ban hành cho cùng một đối tượng nghiệp vụ tham chiếu đến.

3. Đảm bảo an toàn trong kết nối, tránh hiện tượng bị truy nhập hoặc bị can thiệp bất hợp pháp vào dữ liệu của mỗi bên.

Điều 10. Tài liệu kỹ thuật